

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST

Ngày 26-7-2017

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2017 về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tô Lê Tuấn P, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường K, tổ 12, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Hồ Nguyệt T, sinh năm 1992

Nơi cư trú cuối cùng: đường T, tổ 14, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tô Lê Tuấn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tô Lê Tuấn P với chị Hồ Nguyệt T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn anh P và chị T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh P và chị T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nhau, anh P và chị T thường xuyên xảy ra xích mích, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó chị T đã đi khỏi nơi cư trú và không liên lạc với anh P nữa. Anh

P đã đi tìm chị T nhiều nơi nhưng không biết chị T hiện đang ở đâu. Nay anh P không còn yêu thương chị T nữa. Anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Phương được ly hôn với chị Hồ Nguyệt T.

Về con chung: Anh Tô Lê Tuấn P và chị Hồ Nguyệt T có 01 con chung tên là: Tô Trung N, sinh ngày 20/6/2013. Hiện cháu N đang ở với anh P. Anh P yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tô Lê Tuấn P và chị Hồ Nguyệt T không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy không yêu cầu.

Ngoài ra anh Tô Lê Tuấn P không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là chị Hồ Nguyệt T: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị T và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Tô Lê Tuấn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Tô Lê Tuấn P khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị Hồ Nguyệt T có nơi cư trú cuối cùng là: đường T, tổ 14, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ chị Hồ Nguyệt T tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Nguyệt T.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Lê Tuấn P và chị Hồ Nguyệt T tự nguyện tìm hiểu sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2013. Do đó, hôn nhân của anh P và chị T là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với chị Hồ Nguyệt T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tô Lê Tuấn P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị T để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa anh P và chị T, nhưng chị T không đến Toà

án làm việc, không gửi cho Toà án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh P và tại phiên toà hôm nay chị T cũng vắng mặt, như vậy chị T không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ với anh P. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ. Anh P và chị T là vợ chồng hợp pháp nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, từ tháng 12 năm 2016 đến nay chị T không liên lạc, quan tâm đến anh P và con cái. Như vậy chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh Tô Lê Tuấn P yêu cầu ly hôn với chị Hồ Nguyệt T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Anh Tô Lê Tuấn P và chị Hồ Nguyệt T có 01 con chung là: Tô Trung Ng, sinh ngày 20/6/2013. Hiện cháu Ng đang ở với anh P. Xét thấy, cháu Ng đang còn nhỏ, anh P có công việc, thu nhập ổn định và có đủ tư cách giáo dục cháu Ng, đồng thời hiện nay chị T không liên lạc với anh P để thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung và quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị T cũng không có ý kiến về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tô Trung Ng, sinh ngày 20/6/2013 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tô Lê Tuấn P không yêu cầu chị Hồ Nguyệt T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung: Anh Tô Lê Tuấn P và chị Hồ Nguyệt T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Tô Lê Tuấn P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Lê Tuấn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Lê Tuấn P được ly hôn với chị Hồ Nguyệt T.

- Về con chung: Giao cháu Tô Trung Ng, sinh ngày 20/6/2013 cho anh Tô Lê Tuấn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi cháu Ng chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Hồ Nguyệt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Buộc anh Tô Lê Tuấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0003027, ngày 29/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh Tô Lê Tuấn P đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2017) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THÀM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- THADS TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa